

**ASUS K570UD-DM276T máy tính xách tay Intel® Core™ i5
i5-8250U Laptop 39,6 cm (15.6") Full HD 8 GB DDR4-SDRAM 256
GB SSD NVIDIA® GeForce® GTX 1050 Wi-Fi 5 (802.11ac) Windows
10 Home Màu đen**

Nhãn hiệu : ASUS

Mã sản phẩm: K570UD-DM276T

Tên mẫu : K570UD-DM276T

ASUS K570UD-DM276T. Sản Phẩm: Laptop, Hệ số hình dạng: Loại gấp. Họ bộ xử lý: Intel® Core™ i5, Model vi xử lý: i5-8250U, Tốc độ bộ xử lý: 1,6 GHz. Kích thước màn hình: 39,6 cm (15.6"), Kiểu HD: Full HD, Độ phân giải màn hình: 1920 x 1080 pixels. Bộ nhớ trong: 8 GB, Loại bộ nhớ trong: DDR4-SDRAM. Tổng dung lượng lưu trữ: 256 GB, Phương tiện lưu trữ: SSD. Model card đồ họa on-board: Intel® UHD Graphics 620. Hệ điều hành cài đặt sẵn: Windows 10 Home. Màu sắc sản phẩm: Màu đen



Thiết kế

Sản Phẩm *	Laptop
Màu sắc sản phẩm *	Màu đen
Hệ số hình dạng *	Loại gấp

Màn hình

Kích thước màn hình *	39,6 cm (15.6")
Độ phân giải màn hình *	1920 x 1080 pixels
Màn hình cảm ứng *	✗
Kiểu HD	Full HD
Đèn LED phía sau	✓
Tỉ lệ khung hình thực	16:9
Bề mặt hiển thị	Kiểu matt, không bóng

Bộ xử lý

Hãng sản xuất bộ xử lý *	Intel
Họ bộ xử lý *	Intel® Core™ i5
Thế hệ bộ xử lý	8th gen Intel® Core™ i5
Model vi xử lý *	i5-8250U
Số lõi bộ xử lý	4
Các luồng của bộ xử lý	8
Tần số turbo tối đa	3,4 GHz
Tốc độ bộ xử lý *	1,6 GHz
Tốc độ bus hệ thống	4 GT/s
Bộ nhớ cache của bộ xử lý	6 MB
Dòng bộ nhớ cache CPU	Smart Cache
Đầu cắm bộ xử lý	BGA 1356
Bộ xử lý quang khắc (lithography)	14 nm
Các chế độ vận hành của bộ xử lý	64-bit
Tên mã bộ vi xử lý	Kaby Lake R
Loại bus	OPI
Chia bậc	Y0
Công suất thoát nhiệt TDP	15 W
Tần số configurable TDP-up	1,8 GHz
Configurable TDP-up	25 W
TDP-down có thể cấu hình	10 W
Tần số TDP-down có thể cấu hình	0,8 GHz

Bàn phím

Các phím Windows	✓
------------------	---

Phần mềm

Hệ điều hành cài đặt sẵn *	Windows 10 Home
----------------------------	-----------------

Tính năng đặc biệt của bộ xử lý

Công nghệ Intel® My WiFi (Intel® MWT)	✓
Công nghệ Phản hồi Thông minh của Intel®	✓
Công nghệ Bảo vệ Danh tính Intel® (Intel® IPT)	✓
Công nghệ Siêu Phân luồng Intel® (Công nghệ Intel®)	✓
Công nghệ Intel® Turbo Boost	2.0
Công nghệ Enhanced Intel® SpeedStep	✓
Công nghệ Intel® Clear Video HD (Intel® CVT HD)	✓
Công nghệ Intel® Clear Video	✓
Công nghệ InTru™ 3D	✓
Công nghệ Đồng bộ nhanh video của Intel®	✓
Công nghệ Intel Flex Memory Access	✓
Hướng dẫn mới cho Intel® AES (Intel® AES-NI)	✓
Công nghệ Thực thi tin cậy Intel®	✗
Intel® Enhanced Halt State	✓
VT-x của Intel với công nghệ Bảng Trang Mở rộng (EPT)	✓
Khóa An toàn Intel	✓
Intel® TSX-NI	✗
Chương trình Nền tảng Hình ảnh Ổ định của Intel® (SIPP)	✗
Intel® OS Guard	✓
Mở Rộng Bảo Vệ Phần Mềm Intel® (Intel® SGX)	✓

Bộ xử lý		Tính năng đặc biệt của bộ xử lý	
Tjunction	100 °C	Công nghệ Intel® Clear Video dành cho thiết bị di động kết nối internet được (Intel CVT cho MID)	✓
Số lượng tối đa đường PCI Express	12	Kiến trúc Intel® 64	✓
Phiên bản PCI Express	3.0	Tính năng bảo mật Execute Disable Bit	✓
Cấu hình PCI Express	1x2+2x1, 1x4, 2x2, 4x1	Trạng thái Chờ	✓
ECC được hỗ trợ bởi bộ vi xử lý	✗	Công nghệ Theo dõi nhiệt	✓
Bộ nhớ		Kích cỡ đóng gói của vi xử lý	42 x 24 mm
Bộ nhớ trong *	8 GB	Hỗ trợ tài liệu hướng dẫn	AVX 2.0, SSE4.1, SSE4.2
Loại bộ nhớ trong	DDR4-SDRAM	Mã của bộ xử lý	SR3LA
Tốc độ xung nhịp bộ nhớ	2400 MHz	Cấu hình bộ xử lý trung tâm (tối đa)	1
Khe cắm bộ nhớ	2x SO-DIMM	Các tùy chọn nhúng sẵn có	✗
Bộ nhớ trong tối đa *	16 GB	Intel® Virtualization Technology for Directed I/O (VT-d)	✓
Dung lượng		Phiên bản Công nghệ Intel Identity Protection	1,00
Tổng dung lượng lưu trữ *	256 GB	Phiên bản Công nghệ Intel® Smart Response	1,00
Phương tiện lưu trữ *	SSD	Phiên bản Intel® Stable Image Platform Program (SIPP)	0,00
Số lượng ổ SSD được trang bị	1	Phiên bản Công nghệ Intel Secure Key	1,00
Dung lượng ổ cứng thể rắn (SSD)	256 GB	Phiên bản Intel® TSX-NI	0,00
Đầu đọc thẻ được tích hợp	✓	Công nghệ Intel Virtualization (VT-x)	✓
Thẻ nhớ tương thích	MicroSD (TransFlash)	ID ARK vi xử lý	124967
Đồ họa		Vi xử lý không xung đột	✓
Model card đồ họa rời *	NVIDIA® GeForce® GTX 1050	Pin	
Loại bộ nhớ card đồ họa rời	GDDR5	Số lượng cell pin	3
Card đồ họa on-board *	✓	Công suất pin *	48 Wh
Card đồ họa rời *	✓	Tuổi thọ pin (tối đa)	10 h
Họ card đồ họa on-board	Intel® UHD Graphics	Điện	
Model card đồ họa on-board *	Intel® UHD Graphics 620	Công suất của bộ nguồn dòng điện xoay chiều	120 W
Tần số cơ bản card đồ họa on-board	300 MHz	Tần số của bộ tiếp hợp dòng điện xoay chiều	50 - 60 Hz
Tần số động card đồ họa on-board (tối đa)	1100 MHz	Điện áp đầu vào của bộ tiếp hợp dòng điện xoay chiều	100 - 240 V
Bộ nhớ tối đa của card đồ họa on-board	32 GB	Cường độ dòng điện đầu ra của bộ nguồn dòng điện xoay chiều	6,3 A
Phiên bản DirectX của card đồ họa on-board	12.0	Điện áp đầu ra của bộ nguồn dòng điện xoay chiều	19 V
Phiên bản OpenGL của card đồ họa on-board	4.4	Giắc cắm đầu vào DC	✓
ID card đồ họa on-board	0x5917	Bảo mật	
Âm thanh		Trusted Platform Module (TPM)	✓
Hệ thống âm thanh	SonicMaster	Mã pin bảo vệ	✓
Công suất loa	2 W	Bảo vệ bằng mặt khẩu	BIOS, Người dùng
Micrô gắn kèm	✓	Chứng nhận	
Máy ảnh		Các loại giấy chứng nhận phù hợp	RoHS
Camera trước	✓	Chứng nhận	UL, MIC, CE Marking Compliance, FCC Compliance, BSMI, Australia C-TICK / NZ A-Tick Compliance, CCC, GOST-R, CB, Energy star, IDA, WEEE, Erp 2013, RoHS, JATE
hệ thống mạng		Tính bền vững	
Wi-Fi	✓	Chứng chỉ bền vững	NGÔI SAO NĂNG LƯỢNG
Tiêu chuẩn Wi-Fi *	Wi-Fi 5 (802.11ac)	Trọng lượng & Kích thước	
Chuẩn Wi-Fi	802.11a, Wi-Fi 5 (802.11ac), 802.11b, 802.11g, Wi-Fi 4 (802.11n)	Chiều rộng	374,6 mm
Kết nối mạng Ethernet / LAN	✓	Độ dày	256 mm
Tốc độ truyền dữ liệu mạng cục bộ (LAN) Ethernet	10,100,1000 Mbit/s	Chiều cao	21,9 mm
Cổng giao tiếp			
Số lượng cổng USB 2.0 *	2		
Số lượng cổng USB 3.2 Gen 1 (3.1 Gen 1) Type-A *	1		
Số lượng cổng USB 3.2 Gen 1 (3.1 Gen 1) Type-C *	1		
Cổng Ethernet LAN (RJ-45)	1		
Số lượng cổng HDMI *	1		
Cổng DVI	✗		

Cổng giao tiếp		Trọng lượng & Kích thước	
Cổng kết hợp tai nghe/mic	✓	Trọng lượng *	1,9 kg
Bộ nối trạm	✗	Nội dung đóng gói	
Bàn phím		Kèm adapter AC *	✓
Thiết bị chỉ điểm	Chuột cảm ứng	Thủ công	✓
Bàn phím số *	✓		
Bàn phím full size	✓		

Catalog Object Cloud



Disclaimer. The information published here (the "Information") is based on sources that can be considered reliable, typically the manufacturer, but this Information is provided "AS IS" and without guarantee of correctness or completeness. The Information is only indicative and can be changed at any time without notification. No rights can be based on the Information. Suppliers or aggregators of this Information do not accept any liability with regard to the content of (web)pages and other documents, including its Information. The publisher of the Information can not be held liable for the content of 3rd party websites that are linking this Information or are linked to from this Information. You as the User of the Information are solely responsible for the choice and usage of this Information. You are not entitled to transfer, copy or otherwise multiply or distribute the Information. You are obliged to follow the directions of the copyright owner(s) with regard to the use of the Information. Exclusively Dutch law is applicable. With regard to price and stock data on the site, the publisher followed a number of starting points, which are not necessarily relevant for your private or business circumstances. Therefore, the price and stock data are only indicative and are subject to changes. You are personally responsible for the way you use and apply this information. As a user of the Information or sites or documents in which this Information is included, you will adhere to standard fair use including avoidance of spamming, ripping, intellectual-property violations, privacy violations, and any other illegal activity.